

Bản án số: 173/2020/HSST

Ngày: 08/12/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Minh Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính: Cán bộ hưu trí phường Thị Nại, Tp. Quy Nhơn

2. Ông Phạm Ngọc Đông: Cán bộ hưu trí phường Lê Lợi, Tp. Quy Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thế Phương là Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Thanh V., tên gọi khác: Không, sinh năm 1998 tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn V., xã P., huyện T., tỉnh Bình Định; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lâm Thanh H., sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Mỹ Ph. sinh năm 1974; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Bị hại:

Anh Phạm Thiên T., sinh năm 1994; Trú tại: Thôn H., xã A, huyện H., tỉnh Bình Định; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Kim Ch., sinh năm 1981; trú tại: Thôn P., xã P., huyện T., tỉnh Bình Định; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Ph., sinh năm 1974; Trú tại: Thôn V., xã P., huyện T., tỉnh Bình Định; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình cùng làm nhân viên tại quán nhậu “Jumong” số 80 Bình Hà, P. Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Lâm Thanh V. quen biết với Phạm Thiên T. (sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn H., xã A, huyện H., tỉnh Bình Định), Hồ Nhật P. (sinh năm 1996, nơi cư trú: thôn X., xã A., huyện A., tỉnh Bình Định). Khoảng tháng 6/2020, V. nghỉ việc, đến ở cùng phòng trọ của T. tại 26 Phạm Hồng Thái, TP. Quy Nhơn.

Sáng ngày 08/7/2020, V. mượn xe máy hiệu AirBlade, biển số 77M1-087.72 của P. để sử dụng. Khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, V. nảy sinh ý định chiếm đoạt xe AirBlade màu trắng đen đỏ, biển số 77K1-290.17 của T. nên lục tìm chìa khóa dự phòng của xe này. V. lục hộp đựng đồ cá nhân của T. thì thấy có chìa khóa, giấy đăng ký xe 77K1-290.17, chứng minh nhân dân của T., V. lấy chìa xe 77K1-290.17 rồi điều khiển xe 77M1-087.72 đến quán nhậu “Jumong” trả xe cho P. Đến nơi, thấy xe 77K1-290.17 đang dựng trước quán nên V. dắt xe đến dựng bên hông quán rồi vào trong trả chìa khóa và xe 77M1-087.72 cho P. Tiếp đó, V. ra ngoài dùng chìa khóa dự phòng khởi động xe 77K1-290.17 lái về phòng trọ lấy giấy đăng ký xe 77K1-290.17, chứng minh nhân dân của T. để sử dụng cầm cố xe. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, V. điều khiển xe 77K1-290.17 đến tiệm cầm đồ Kim Chung ở Phước Sơn, Tuy Phước cầm cố cho Lê Thị Kim C. (sinh năm 1981) lấy 18.000.000 đồng. Khoảng 04 ngày sau, V. đến thỏa thuận lấy thêm 4.000.000 đồng tiền cầm cố xe, tổng cộng là 22.000.000 đồng. Tiền có được, V. dùng trả nợ và tiêu xài hết. Đến ngày 17/7/2020, V. thú nhận với mẹ ruột là Nguyễn Thị Mỹ P. (sinh năm 1974) về việc trộm xe mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bà Ph. cùng V. đã đến tiệm cầm đồ Kim Chung chuộc lại xe mang đến Công an P. Thị Nại giao nộp. V. đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như trên.

Ngày 28/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận xe Honda – AirBlade màu trắng đen đỏ, biển số 77K1-290.17, trị giá 26.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ sau đó trả lại cho anh Phạm Thiên T. xe Honda – AirBlade, biển số 77K1-290.17, chìa khóa xe, giấy đăng ký xe mô tô và Chứng minh nhân dân, anh T. không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V.

Bản Cáo trạng số 126/CT - VKSQN ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố Lâm Thanh V. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Lâm Thanh V. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại Phạm Thiên T. giá trị 26.000.000 đồng nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đã khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu

thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Về phần bồi thường thiệt hại, đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho anh T. 3.000.000đ chi phí sửa chữa xe.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lâm Thanh V. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của anh T., người cho bị cáo ở nhờ phòng trọ mà lục tìm lấy chìa khóa xe dự phòng rồi đến quán Jumong lén lút lấy trộm của anh T. 01 xe Honda – AirBlade, biển số 77K1-290.17. Sau khi lấy được xe, bị cáo còn tiếp tục quay về phòng trọ lấy giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của anh T. để tìm chỗ cầm cố xe, lấy tiền tiêu xài. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 28/8/2020 thì giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 26.000.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm, lẽ ra cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã đến đầu thú tại cơ quan công an. Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, đã chuộc lại tài sản trả cho bị hại và hoàn lại tiền cho người cầm cố tài sản do bị cáo trộm cắp mang đến bán, anh T. cũng xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tự nguyện bồi thường chi phí sửa chữa xe cho anh T. 3.000.000đ; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo

được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên xử bị cáo hình phạt tù nhưng được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo về địa phương, gia đình giám sát, giáo dục vừa bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm, vừa đảm bảo mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[3] Chị Lê Thị Kim C. nhận cầm cố chiếc xe máy do bị cáo trộm cắp nhưng chị không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội.

[4] Bồi thường thiệt hại:

Anh Phạm Thiên T. đã nhận lại xe máy mà bị cáo lấy trộm. Tại phiên tòa hôm nay, anh T. yêu cầu bồi thường 3.000.000đ tiền chi phí sửa chữa xe do hư hỏng trong thời gian bị cáo trộm xe của anh. Bị cáo cũng tự nguyện bồi thường số tiền này nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại.

Mẹ bị cáo, bà Nguyễn Thị Mỹ Ph. đã trả tiền chuộc xe máy cho bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền trên nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí DSST: Bị cáo phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh V. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Lâm Thanh V. 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm Thanh V. cho UBND xã P, huyện T., tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo V. thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Lâm Thanh V. có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Thiên T. 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Văn Thị Minh Hòa